

Số: /CTHYE-TTHT
V/v chính sách thuế

Hưng Yên, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II
(Địa chỉ: Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ,
tỉnh Hưng Yên. Mã số thuế: 0900260480)

Trả lời văn bản số 79/2024/CV-ACC-TLPII ngày 03/5/2024 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II (sau đây gọi tắt là Công ty) vướng mắc về kê khai thuế nhà thầu nước ngoài và thuế GTGT đối với cung cấp dịch vụ tại Việt Nam, Cục Thuế tỉnh Hưng Yên có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin:

+ Tại khoản 10 Điều 3 giải thích từ ngữ như sau:

“10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm.”

+ Tại Điều 9 quy định về hoạt động công nghiệp phần mềm

“Điều 9. Hoạt động công nghiệp phần mềm

1. Hoạt động công nghiệp phần mềm là hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm.

2. Các loại sản phẩm phần mềm bao gồm:

- a) Phần mềm hệ thống;*
- b) Phần mềm ứng dụng;*
- c) Phần mềm tiện ích;*
- d) Phần mềm công cụ;*
- đ) Các phần mềm khác.*

3. Các loại dịch vụ phần mềm bao gồm:

- a) Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;*
- b) Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;*

c) Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;

d) Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;

đ) Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;

e) Dịch vụ tích hợp hệ thống;

g) Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;

h) Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;

i) Các dịch vụ phần mềm khác.”

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng:

+ Tại khoản 21 Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng như sau:

“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”

+ Tại Điều 9 quy định về thuế suất 0% như sau:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

...

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

...

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

... ”

+ Tại Điều 11 quy định thuế suất 10% như sau:

“Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.”

Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

+ Tại khoản 1 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng như sau:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.”

+ Tại điểm a) khoản 2 Điều 12 quy định tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh: Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm: 5%.

+ Tại điểm a) khoản 2 Điều 13 quy định tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan: 5%.

Căn cứ Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ các quy định nêu trên và theo doanh nghiệp trình bày, trường hợp Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II phân phối giải pháp chuyên đội số doanh nghiệp (bao gồm các hoạt động: hỗ trợ khách hàng tích hợp hệ thống do Công ty Sumitomo Corporation - tại Nhật Bản lập trình phần mềm và duy trì trên nền tảng trực tuyến; trực tiếp hỗ trợ khách hàng sử dụng, vận hành, thảo luận mục tiêu khi sử dụng hệ thống) cho người dùng cuối cùng là các doanh nghiệp tại Việt Nam thì Công ty thực hiện chính sách thuế GTGT, thuế nhà thầu như sau:

1. Về chính sách thuế GTGT.

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật Công nghệ thông tin thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo hướng

dẫn tại khoản 21 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Việc giảm thuế GTGT, Công ty thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

Dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

2. Về chính sách thuế nhà thầu.

Công ty Sumitomo Corporation - tại Nhật Bản cung cấp các dịch vụ nêu trên cho Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II thuộc đối tượng áp dụng áp theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp dịch vụ do Công ty Sumitomo Corporation - tại Nhật Bản cung cấp thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng thì Công ty áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu là 5%, tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5% khi kê khai nộp thay Nhà thầu nước ngoài.

Trường hợp dịch vụ do Công ty Sumitomo Corporation - tại Nhật Bản cung cấp là dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật Công nghệ thông tin thì Công ty áp dụng tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5% khi kê khai nộp thay Nhà thầu nước ngoài.

Việc xác định dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật, đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn.

Cục Thuế tỉnh Hưng Yên trả lời đề Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng TT-KT 1,2,3,4, NVDTPC, KK&KTT;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TT-HT.^{Nam}

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Thuận